

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HỮU SON

BIẾN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI QUẬN HÀ ĐÔNG
TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2018

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 62 22 03 13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã
hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. PHẠM XANH

PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH LÊ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở,
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia
Hà Nội

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia

- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài: Nghiên cứu biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội quận Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2018 góp phần làm rõ bức tranh kinh tế - xã hội ở một đơn vị hành chính cụ thể thời kì đổi mới, góp thêm nghiên cứu đô thị hóa ở Việt Nam. Chưa có nghiên cứu nào về vấn đề này, nên nghiên cứu sinh chọn *“Biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội quận Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2018”* làm đề tài Luận án tiến sĩ Sử học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu: Mục đích nghiên cứu làm rõ biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018). Nhiệm vụ nghiên cứu làm rõ quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018), tác động giữa biến đổi cơ cấu kinh tế và biến đổi cơ cấu xã hội; nguyên nhân, thành tựu, hạn chế và một số kinh nghiệm của biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018).

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2018. Phạm vi nghiên cứu: Về không gian, từ thị xã Hà Đông phát triển thành quận Hà Đông. Về thời gian, từ năm 1986 đến năm 2018, chia ra hai giai đoạn là 1986-2008 và 2009-2018. Nội dung nghiên cứu, biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018).

4. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu nghiên cứu: Phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Phương pháp nghiên cứu lịch sử, logic, tiếp cận cấu trúc hệ thống, xã hội học, đô thị học, so sánh. Nguồn tài liệu nghiên cứu là các văn bản về kinh tế, xã hội của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội, quận Hà Đông; niên giám thống kê; lịch sử Đảng bộ địa phương; tài liệu của các nhà nghiên cứu về tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội, nhất là quận Hà Đông.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án: Về lí luận, luận án góp thêm nghiên cứu về biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung, về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa nói riêng. Về thực tiễn, luận án cung cấp cơ sở để các cấp quản lý hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội; là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy học tập về biến đổi cơ cấu kinh tế -

xã hội; sưu tầm nguồn tư liệu về kinh tế, xã hội Hà Đông (1986-2018), góp phần tìm hiểu về Hà Đông.

6. Cấu trúc của luận án: Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm 4 chương: Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu; Chương 2. Biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2008); Chương 3. Biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (2009-2018); Chương 4. Một vài nhận xét.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới

1.1.1. Nghiên cứu ở trong nước

Nghiên cứu cơ cấu kinh tế có cuốn *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới* do Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ chủ biên (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 1998). Tạ Ngọc Tấn, Lê Quốc Lý đồng chủ biên cuốn *Đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2012). Lương Minh Cừ và Vũ Văn Thư có cuốn *Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay một số nhận thức về lý luận và thực tiễn* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2011). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh hội nhập quốc tế* của Đỗ Thị Thanh Loan (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2016).

Cuốn *Những vấn đề kinh tế - xã hội ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (NXB. ĐHQG Hà Nội, H., 2010), *Phát triển bền vững kinh tế - xã hội các thành phố theo hướng hiện đại* của Trần Ngọc Chính (NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H., 2012). *Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay* của Vũ Thị Vinh (NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H., 2014). Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội có công trình *Những vấn đề xã hội học trong sự biến đổi xã hội* (NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2011).

Nguyễn Đình Lê có *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam* (NXB. Chính trị QG, H., 1998), *Biến đổi kinh tế và nếp sống văn hoá ở nông*

thôn đồng bằng Bắc Bộ trong thời gian qua (Qua điều tra thực tế một số làng ở đồng bằng Bắc Bộ) (NXB. Thế giới, H., 2000), *Biến đổi xã hội Việt Nam trong lịch sử* (NXB, Khoa học Xã hội, H., 2005), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam (1986-2000)*.

Nghiên cứu số liệu thống kê kinh tế - xã hội, như Lê Văn Toàn chủ biên cuốn *Những vấn đề kinh tế và đời sống qua 3 cuộc điều tra nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở* (NXB. Thống kê, H., 1991). Bộ Lao động, thương binh và xã hội có cuốn *Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 1992-1993*, xuất bản năm 1994; cuốn *Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 1997-1998*, xuất bản năm 1999.

Những bài báo khoa học, như Phạm Xuân Nam có bài "Mấy nét tổng quan về quá trình đổi mới kinh tế - xã hội ở Việt Nam 15 năm qua" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1/2001). Đặng Thị Kim Oanh có bài "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa" (Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 1/2005). Nguyễn Sinh Cúc có bài "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 20 năm đổi mới" (Tạp chí *Lịch sử Đảng* số 12/2005). Nguyễn Văn Sừ có bài "Khung sinh kế bền vững: Một cách phân tích toàn diện về phát triển và giảm nghèo" (Tạp chí *Dân tộc học*, số 2, năm 2010).

1.1.2. Nghiên cứu ở nước ngoài

Adam Fforde và Stefan de Vylder có cuốn *From Plan to Market: The Economic Transition on Vietnam* (Từ kế hoạch hóa sang thị trường: chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam), Westview Press, The United States of America, 1996. Charles Harvie và Trần Văn Hòa có *Vietnam reform and economic growth* (Cải cách và tăng trưởng kinh tế Việt Nam), Macmillan Press, UK, 1997. Keith Griffin chủ biên cuốn *Economic reform in Vietnam* (Cải cách kinh tế ở Việt Nam), ST. Martin's press, USA, 1998). OECD (Organization for Economic Cooperation and Development) viết cuốn *Agricultural Policies in Viet Nam 2015* (Các chính sách nông nghiệp của Việt Nam 2015), OECD Publishing, Paris, 2015.

Drummond có bài viết "*Urbanization in the Out City: A case in Ho Chi Minh City's Suburbs*" (Đô thị hóa ở ngoài thành phố: Một trường hợp ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh), *Malaysian Journal of Tropica Geography*, 29, No. 1 (1998): p 23-

28. Lương Văn Hy viết *Urbanization, Migration and Poverty in a Vietnamese Metropolis: Ho Chi Minh in Comparative Perspective* (Đô thị hóa, di cư và nghèo đói ở một đô thị Việt Nam: Thành phố Hồ Chí Minh trong quan điểm so sánh), Publisher, National University of Singapore/ NUS Press, January, 1, 2009. Erik Harms có cuốn *Saigon's edge on the margins of Ho Chi Minh City* (Cạnh Sài Gòn bên lề thành phố Hồ Chí Minh), Publisher, University of Minnesota press, 2011.

Trịnh Duy Luân và Micheal Leaf (1996) viết *Vấn đề nhà ở đô thị trong nền kinh tế thị trường của thế giới thứ ba*. Pandolfi Laurent (2000) viết *Sự chuyển thể đô thị và quá trình xây dựng các vùng ngoại vi đô thị*. Ngân hàng thế giới có *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam* (Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật, 2011).

1.2. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế, xã hội Hà Nội và Hà Tây thời kỳ đổi mới

1.2.1. Nghiên cứu ở trong nước

Các công trình nghiên cứu về kinh tế, xã hội Hà Nội: Phạm Quang Nghị và Phùng Hữu Phú đồng chủ biên cuốn *Hà Nội 30 năm đổi mới, phát triển (1986-2016)* (NXB. Hà Nội, 2017). Lê Tiến Dũng có luận án *Đảng bộ Thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển kinh tế ngoại thành từ năm 1991 đến năm 2008* (Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội, 2016). Nguyễn Thắng Lợi và Bùi Đức Tuấn chủ biên cuốn *Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thủ đô Hà Nội theo hướng hiệu quả và bền vững, cơ sở khoa học - thực trạng định hướng đến năm 2020* (NXB. Hà Nội, H., 2013). Lê Tiêu La có *Một số biến đổi xã hội ở nông thôn vùng ven đô Hà Nội trong thời kì đổi mới* (Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 2007). Nguyễn Thị Hải Vân có Luận án tiến sĩ kinh tế: *Tác động của đô thị hóa đối với lao động ở khu vực nông thôn ngoại thành Hà Nội* (2012). Lê Thị Thu Hằng có luận án tiến sĩ sử học *Chuyển biến kinh tế - xã hội huyện Từ Liêm (thành phố Hà Nội) dưới tác động của quá trình đô thị hóa từ năm 1996 đến năm 2013* (Học viện Khoa học Xã hội, 2020). Nguyễn Văn Sửu có cuốn *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội* (NXB. Tri thức, H., 2014).

Các công trình nghiên cứu về tỉnh Hà Tây: Các công trình lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Sơn Bình, tỉnh Hà Tây. *Cuốn thị xã Hà Đông 1975-2000, Lịch sử Đảng bộ*

quận Hà Đông (1926 - 2010) (NXB Hà Nội, 2014). Cuốn *Dur địa chí Hà Tây tập 1, 2* (NXB. Hà Nội, H., 2012). Thành ủy Hà Nội chỉ đạo biên soạn bộ *Bách khoa thư Hà Nội phần Hà Nội mở rộng* (NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017). Phạm Quốc Sử viết *Phát triển du lịch làng nghề, nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Tây* (NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2007). Nguyễn Hoàng Minh có luận án tiến sĩ quản lý đô thị: *Quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mở rộng quận Hà Đông thành phố Hà Nội* (ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2015).

1.2.2. Nghiên cứu ở nước ngoài: Timothy M. Gorman có bài *Nền kinh tế hàng ngày: suy nghĩ lại về tính chất không chính thống ở Việt Nam* trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ III, "Việt Nam hội nhập và phát triển", Hà Nội, 2008. Gisele Bousquet có công trình *Urbanization in Vietnam* (Đô thị hóa ở Việt Nam), Routledge Published, January 3, 2018 by Routledge, 178 Pages 20 B/W Illustrations. Cuốn *Peasants on the Move: Rural-Urban Migration in the Hanoi Region* (Nông dân đang di chuyển: Di cư nông thôn – thành thị ở khu vực Hà Nội) của Lee Tana, Occasional Paper No. 91, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Singapore, xuất bản năm 1996. Danielle Labbé viết cuốn *Facing the urban transition in Hanoi: recent urban planning issues and initiatives* (Đối mặt với quá trình chuyển đổi đô thị ở Hà Nội: các vấn đề và sáng kiến quy hoạch đô thị gần đây), Trung tâm Đô thị hóa Văn hóa xã hội, Viện nghiên cứu khoa học quốc gia, Montreal (Quebec) Canada, xuất bản năm 2010. Cuốn *Hanoi: Biography of a City* (Hà Nội: tiểu sử một đô thị) của William S. Logan, do Nguyễn Thừa Hỷ dịch (NXB Hà Nội, H. 2010). Sylvie Fanchette chủ biên cuốn *Hà Nội, vùng đô thị tương lai chấm dứt hòa nhập làng xóm trong đô thị* (NXB. Thế giới, 2018).

1.3. Kết quả nghiên cứu và một số vấn đề luận án cần làm rõ

1.3.1. Kết quả nghiên cứu: Các công trình cung cấp lí thuyết và phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu; số liệu chính thống về kinh tế, xã hội phục vụ cho đề tài luận án; cái nhìn mới để tiếp cận vấn đề nghiên cứu; cho thấy biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội là quy luật tất yếu trong hoàn cảnh cụ thể; cung cấp tổng quan lịch sử phát triển nói chung và kinh tế - xã hội Hà Đông nói riêng.

1.3.2. Một số khái niệm: Cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội, cơ cấu kinh tế - xã hội, biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội.

1.3.3. Một số vấn đề luận án cần làm rõ: Giới thiệu những điều kiện lịch sử mới của Hà Đông (1986-2018), như công cuộc đổi mới, thay đổi địa giới hành chính. Trình bày biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018). Đưa ra một số nhận xét về biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018).

Tiểu kết chương 1: Các công trình nghiên cứu phong phú về nội dung, đa dạng về cách tiếp cận. Cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu đầy đủ, hệ thống và toàn diện về biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội quận Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2018. Do đó, hướng tiếp cận của luận án là không trùng lặp và mang tính độc lập so với các công trình nghiên cứu và luận án đã công bố.

Chương 2. BIẾN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ ĐÔNG (1986-2008)

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.1. Đôi nét về địa giới hành chính thị xã Hà Đông: Hà Đông là thị xã tỉnh lỵ (1896-2008). Pháp lập thị trấn Cầu Đơ (1902), rồi nâng cấp lên thị xã Hà Đông (1923), rộng 0,5km² với dân số hơn 1.000 người. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, địa giới hành chính thị xã Hà Đông thay đổi phức tạp. Diện tích đất tự nhiên của Hà Đông đến năm 2006 đạt 47,9174km², gồm 7 phường và 8 xã. Ngày 27-12-2006, Chính phủ lập thành phố Hà Đông trên cơ sở thị xã Hà Đông.

2.1.2. Khái quát cơ cấu kinh tế - xã hội thị xã Hà Đông trước năm 1986: Hà Đông nằm trong tình trạng khó khăn chung của cả nước. Thiếu vốn đầu tư, bội chi ngân sách kéo dài. Giá trị tổng sản phẩm kinh tế năm 1985 là 308 triệu đồng, trong đó nông nghiệp chiếm 35,95%, công nghiệp chiếm 40,18%, thương mại - dịch vụ chiếm 23,87%. Năm 1985, dân số Hà Đông có 72.842 người, trong đó người Kinh chiếm 99,21%. Lực lượng lao động xã hội 42.248 người, nhiều lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, nhiều lao động nông thôn thiếu việc làm. Thu nhập thấp, nghèo đói phổ biến. Yêu cầu cấp thiết phải đổi mới.

2.1.3. Quá trình đổi mới ở thị xã Hà Đông (1986-2008)

Bối cảnh đất nước và địa phương: Việt Nam bắt đầu đổi mới từ tháng 12 năm 1986, từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tỉnh Hà Tây được tái lập (1991), giá trị sản lượng kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp. Thu nhập bình quân đầu người tăng, giảm tỷ lệ hộ nghèo, văn hóa giáo dục và y tế chuyển biến tích cực...

Đổi mới kinh tế - xã hội ở Hà Đông (1986-2008): Nhờ đổi mới, kinh tế phát triển nhanh, chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp; xây dựng các khu đô thị mới. Giá trị tổng sản phẩm kinh tế năm 2008 đạt 10.029.237 triệu đồng, lớn gấp 22 lần năm 2000, trong đó nông nghiệp chỉ còn 2,13%. Dân số năm 2008 đạt 206.907 người, lớn hơn 2 lần năm 2000. Tuy nhiên, kinh tế - xã hội còn hạn chế, phát sinh phân hóa giàu nghèo, tiêu cực.

2.2. Biến đổi cơ cấu kinh tế thị xã Hà Đông (1986-2008)

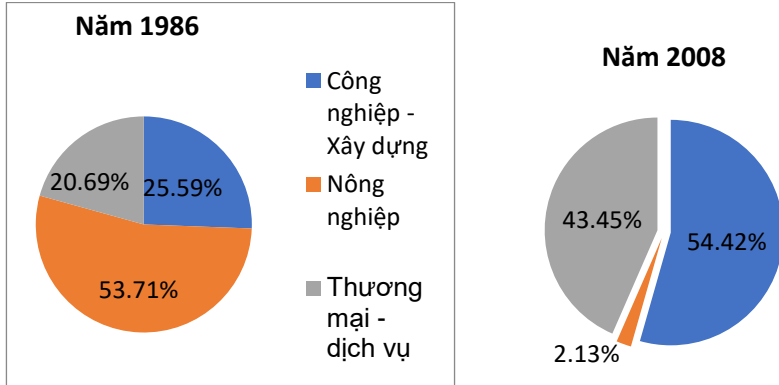
2.2.1. Cơ cấu sử dụng đất: Chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, đất đô thị và đất phục vụ chức năng khác. Hà Đông mở rộng địa giới hành chính năm 2003 và năm 2006, nâng tổng diện tích đất tự nhiên lên 47,9174km², lớn gấp 3 lần năm 2002. Đến năm 2008, đất ở đô thị đạt 458,73ha, tăng gần 4 lần năm 1987; đất công nghiệp đạt 258,80ha, tăng 26 lần năm 1987.

2.2.2. Vốn đầu tư và thu chi ngân sách: *Vốn đầu tư* từ khi đổi mới tăng nhanh, từ nhiều thành phần. Hướng đầu tư vào xây dựng cơ bản tăng từ 25% lên 65%. Trong vốn sản xuất kinh doanh, tỷ trọng cho công nghiệp - xây dựng chiếm đa số, thấp nhất là nông nghiệp. *Thu - chi ngân sách*, trước đổi mới, tăng thu nhưng không đủ chi. Nhờ đổi mới, thu ngân sách từ nhà nước và từ địa phương tăng nhanh. Thu từ sản xuất kinh doanh và thuế chiếm đa số, sau đó thêm thu từ đầu giá quyền sử dụng đất. Chi ngân sách tăng và từ ưu tiên phát triển kinh tế sang kiến thiết đô thị. Từ năm 2006, Hà Đông chấm dứt bội chi ngân sách.

2.2.3. Tăng trưởng kinh tế: Tăng trung bình 15,87%/năm. Từ năm 1986-1995, tăng trưởng cao nhất là công nghiệp, thấp nhất là xây dựng. Năm 1996-2008, tăng trưởng mạnh nhất là xây dựng, thấp nhất là nông nghiệp. Trong cơ cấu giá trị

sản lượng kinh tế (1986-2008), tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ tăng, nông nghiệp giảm. Cùng là thị xã, nhưng tỷ trọng nông nghiệp năm 2008 ở Sơn Tây cao gấp 6 lần Hà Đông.

Biểu 2.2: Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông theo ngành (1986-2008)



Nguồn: Cục Thống kê Hà Sơn Bình, 1987, tr. 13; Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2010, tr. 26, 51-56.

Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; tập thể thua lỗ kéo dài; cá thể nhỏ bé và lạc hậu; tư nhân, hỗn hợp vươn lên mạnh mẽ. Tỷ trọng giá trị sản lượng kinh tế vùng 1 (3 phường trung tâm) và vùng 2 (các phường nội thị mới) tăng giảm phức tạp, vùng 3 (6 xã mới sáp nhập) tăng nhẹ.

2.2.4. Nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp giảm do đô thị hóa và công nghiệp hóa, nhưng tăng do mở rộng địa giới hành chính. Một số nơi "dồn điền đổi thửa", xuất hiện trang trại. Nhờ tăng vốn, áp dụng khoa học - công nghệ mới, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất theo hướng hàng hóa, giá trị sản lượng tăng từ 1.129 triệu đồng lên 214.023 triệu đồng (1986-2008), trong đó, tăng tỷ trọng nhóm ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm, thủy sản, dịch vụ. Trong giá trị sản lượng, tỷ trọng lớn nhất từ thành phần tập thể sang thành phần hỗn hợp. Đô thị hóa làm nông nghiệp không còn ở vùng 1, chuyên dần từ vùng 2 sang vùng 3.

2.2.5. Công nghiệp – xây dựng: Trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp - xây dựng, tỷ trọng công nghiệp giảm dần, xây dựng tăng dần cho thấy đô thị hóa

lấn át công nghiệp hóa; tỷ trọng thành phần nhà nước và tập thể giảm dần, thành phần cá thể, tư nhân và hỗn hợp (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) tăng dần. Vùng 1, chủ yếu là công nghiệp nhà nước. Vùng 2 và 3 có một số làng nghề truyền thống và hình thành các cụm, điểm công nghiệp.

2.2.6. Thương mại – dịch vụ: Xuất hiện nhiều cơ sở thương mại, dịch vụ. Trong giá trị sản lượng, tỷ trọng dịch vụ luôn lớn hơn thương mại; thành phần nhà nước, tập thể, tư nhân giảm dần, thành phần cá thể tương đối ổn định, thành phần hỗn hợp vươn lên vị thế lớn nhất; tỷ trọng vùng 1 giảm, vùng 2 và 3 tăng.

2.3. Biến đổi cơ cấu xã hội thị xã Hà Đông (1986-2008)

2.3.1. Dân số: Quy mô dân số từ 73.534 người tăng lên 206.907 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thấp, nhưng tăng cơ học cao. Mật độ dân số giảm từ trung tâm ra ngoại biên. Tỷ trọng nam giới giảm nhẹ từ 50,32% xuống 50,19%. Từ đầu những năm 2000, Hà Đông đạt “cơ cấu dân số vàng”. Tỷ trọng dân số thành thị tăng từ 64,36% lên 73,17% (1989-1999), sau đó giảm do sáp nhập 6 xã nông nghiệp. Tuổi kết hôn lần đầu và tỷ lệ ly hôn tăng. Số lượng hộ gia đình tăng, nhưng số người trung bình trong một hộ giảm từ 4,2 xuống 3,83 người. Loại hộ 2-4 người có tỷ trọng cao nhất và tăng từ 60,22% lên 67,30%.

2.3.2. Lực lượng lao động xã hội: Từ 15 đến 60 tuổi tăng từ 43.165 người lên 155.173 người. Tỷ trọng nữ giới tăng từ 46,03% lên 58%. Tỷ trọng lao động ở thành thị chiếm đa số. Sau khi mở rộng địa giới hành chính, tỷ trọng lao động nông thôn tăng từ 39,25% lên 53,24%, tỷ trọng lao động được đào tạo nghề giảm xuống. Tỷ trọng lao động tham gia hoạt động kinh tế tăng, lao động thất nghiệp giảm từ 6,28% xuống 3,80%, nhưng vẫn cao nhất tỉnh Hà Tây. Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm dần nhưng lại tăng lên khi sáp nhập 6 xã. Tỷ trọng lao động khu vực nhà nước và tập thể giảm, nhưng cá thể, tư nhân và hỗn hợp tăng. Tỷ trọng vùng 1 và vùng 3 giảm, nhưng vùng 2 tăng.

2.3.3. Thu nhập, mức sống, nhà ở, người nghèo: Thu nhập bình quân đầu người năm 1986 là 7.980 đồng/năm, năm 2008 đạt 34 triệu đồng (2.023 USD)/năm, luôn cao nhất tỉnh Hà Sơn Bình (1986-1991) và tỉnh Hà Tây (1991-2008). Sau xóa

bao cấp (1988), thu nhập giữa các thành phần xã hội phân hóa. *Mức sống* lên, tỷ trọng chi cho ăn uống giảm, giáo dục tăng; xuất hiện chi tiêu mới. Chi tiêu giữa 3 vùng và giữa các nhóm xã hội ngày càng khác biệt. *Nhà ở* phần lớn là nhà cấp 4, một số nhà tập thể 2-5 tầng. Từ đầu những năm 1990, nhiều nhà ở mới kiến cổ. Từ đầu những năm 2000, Hà Đông tái đô thị hóa. *Số hộ nghèo* giảm từ 11,12% xuống 1,59% (1993-2008). Đến năm 1998, không còn hộ đói.

2.3.4. Giáo dục, y tế, trật tự xã hội, môi trường: số lượng học sinh, giáo viên và trường học tăng nhanh, chiếm tỷ trọng cao nhất là cấp mầm non, thấp nhất là cấp trung học phổ thông. Hà Đông hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ (1990), phổ cập giáo dục trung học cơ sở (1995). Số lượng cơ sở y tế công tăng. Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế và cơ sở vật chất được cải thiện đáng kể. Các cơ sở y tế tư nhân xuất hiện và tăng dần. Sức khỏe người dân được cải thiện. Tội phạm, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường gia tăng.

Tiểu kết chương 2: Nhờ đổi mới, Hà Đông ra khỏi khủng hoảng và từng bước phát triển. Công nghiệp hóa là động lực để cải tạo xã hội. Hà Đông mở rộng địa giới hành chính, từ thị xã lên thành phố, bước đầu đô thị hóa thành công. Kinh tế tăng trưởng chưa tung xứng với tiềm năng và yêu cầu đặt ra, chưa bền vững. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ. Nhiều vấn đề bức xúc. Mặc dù còn hạn chế, nhưng cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông đã biến chuyển *tiệm cận* với cơ cấu kinh tế - xã hội các quận nội thành Thủ đô.

Chương 3. BIẾN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ ĐÔNG

(2009-2018)

3.1. Bối cảnh mới

3.1.1. Mở rộng địa giới hành chính thủ đô Hà Nội năm 2008: Các chuyên gia cho rằng, đầu thế kỉ XXI, để phát triển Thủ đô, một trong các giải pháp là mở rộng địa giới hành chính. Ngày 29-5-2008, Quốc hội hợp nhất toàn bộ diện tích đất tự nhiên và dân cư hiện có của tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc, 4 xã (Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung) của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình vào thủ đô Hà Nội.

3.1.2. Thành lập quận Hà Đông năm 2009: Hà Đông có vị thế và địa thế đặc biệt, là tỉnh lỵ cũ, tiếp giáp với nội thành Thủ đô. Nhờ đổi mới (1986-2008), kinh tế - xã hội Hà Đông *tiệm cận* kinh tế - xã hội các quận nội thành Thủ đô. Ngày 8-5-2009, Chính phủ thành lập quận Hà Đông.

3.1.3. Quá trình đổi mới ở quận Hà Đông (2009-2018): Hà Đông đồng bộ chính sách với nội thành, quy hoạch lại cơ cấu sử dụng đất, tăng cường xây dựng và quản lý đô thị, phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, đẩy mạnh đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa người Hà Nội. Dân số tăng nhanh, năm 2018 đạt 353.171 người, gấp 1,5 lần năm 2009. Nhiều gia đình ở nhà chung cư cao tầng. Chênh lệch thu nhập và mức sống giữa các ngành nghề, lĩnh vực, bộ phận ngày càng lớn...

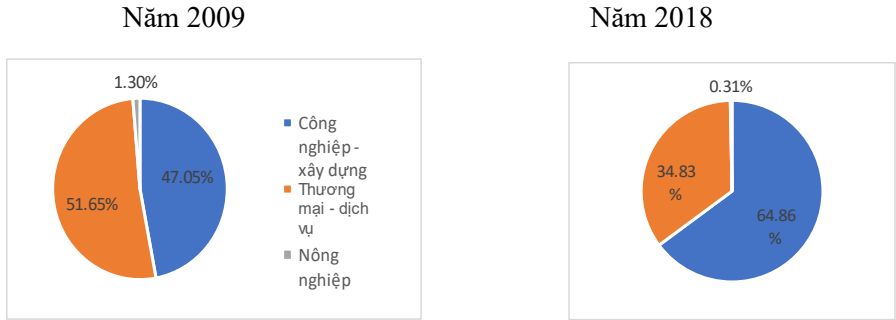
3.2. Biến đổi cơ cấu kinh tế quận Hà Đông (2009-2018)

3.2.1. Cơ cấu sử dụng đất: Hà Đông ưu tiên đô thị hóa, giảm tỷ trọng đất nông nghiệp và công nghiệp. Tỷ trọng đất ở đô thị của Hà Đông tăng lên, năm 2018 lớn thứ hai toàn Thủ đô (sau quận Hoàng Mai).

3.2.2. Vốn đầu tư, thu - chi ngân sách: *Vốn đầu tư* toàn xã hội tăng 8,55%/năm. Tỷ trọng vốn cho xây dựng lớn nhất. *Thu ngân sách* từ nhà nước tăng từ 3.225.030 triệu đồng lên 4.095.787 triệu đồng. Trong đó, tỷ trọng tăng cao là thuế thu nhập cá nhân, kinh tế nhà nước; tỷ trọng giảm mạnh là đất giá quyền sử dụng đất. *Thu ngân sách* từ địa phương tăng 9,72%/năm. *Chi ngân sách* cho đầu tư phát triển giảm, nhưng vẫn có vị thế lớn nhất do đẩy mạnh đô thị hóa.

3.2.3. Tăng trưởng kinh tế: Tổng giá trị sản xuất tăng từ 13.929.261 triệu đồng lên 65.468.217 triệu đồng, tăng 18,05%/năm, cao nhất Hà Nội. Giá nhà đất tăng mạnh và tác động đến các địa phương liền kề. Trong cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp giảm, trong đó nông nghiệp còn không đáng kể (0,31%).

Biểu 3.3. Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông theo ngành (2009-2018)



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2013, tr. 50, 55; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 18.

Giá trị sản lượng kinh tế thành phần hỗn hợp tăng mạnh nhất. Riêng thành phần tư nhân và loại hình công ty hợp danh tăng trưởng âm. Loại hình công ty cổ phần vươn lên trở thành xu hướng phát triển. Trong giá trị sản lượng kinh tế, tỷ trọng vùng 1 tăng, vùng 2 và 3 giảm. Vùng 2 vẫn lớn nhất.

3.2.4. Nông nghiệp: Thu hẹp diện tích trồng trọt, tăng diện tích thủy sản. Trong giá trị sản lượng, tỷ trọng trồng trọt lớn nhất, thủy sản tăng nhẹ, chăn nuôi gia súc, gia cầm giảm mạnh do dịch bệnh. Giảm diện tích trồng cây thu nhập thấp (lúa, lạc, rau), tăng diện tích trồng cây thu nhập cao, như cây ăn quả (cam, bưởi), cây lấy hoa (đào, ly, hồng, cúc, thực dược). Diện tích trồng lúa 2 vụ/năm vẫn lớn nhất. Chăn nuôi tập trung trong trang trại. Hợp tác xã giải thể, chỉ còn thành phần cá thể. Vùng 2 bị thu hẹp, vùng 3 trở thành nơi sản xuất tập trung.

3.2.5. Công nghiệp - xây dựng: Số lượng cơ sở công nghiệp tăng 10,16%. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu là hóa chất, liệu xây dựng phi kim loại, lụa, vải nhuộm, dao kéo. Hàng xuất khẩu (đồ da, thủ công mỹ nghệ). Giá trị sản lượng xây dựng tăng trung bình 61,92%/năm. Tính đến năm 2018, Hà Đông có 22 khu đô thị mới, 70 tòa nhà chung cư. Trong giá trị sản lượng công nghiệp – xây dựng, tỷ trọng xây dựng tăng từ 59,14% lên 65,67%. Hầu hết cơ sở công nghiệp, xây dựng quốc doanh chuyển sang công ty cổ phần, nhiều doanh nghiệp tư nhân chuyển thành công ty

trách nhiệm hữu hạn tư nhân, nhiều hợp tác xã giải thể. Biến chuyển theo vùng cho thấy, vùng 2 chiếm ưu thế.

3.2.6. Thương mại – dịch vụ: Số lượng cơ sở thương mại tăng và theo hướng hiện đại. Hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và sôi động. Trong giá trị sản lượng thương mại - dịch vụ, tỷ trọng dịch vụ giảm từ 47,04% xuống 32,87%. Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn. Công ty hợp danh trong thương mại - dịch vụ xuất hiện từ năm 2014. Công ty cổ phần ngày càng chiếm ưu thế, doanh nghiệp tư nhân giảm mạnh, hợp tác xã số lượng nhỏ. Thành phần cá thể chiếm phần lớn cơ sở kinh doanh. Biến chuyển theo vùng cho thấy, tỷ trọng vùng 1 giảm, vùng 2 và 3 tăng.

3.3. Biến đổi cơ cấu xã hội quận Hà Đông (2009-2018)

3.3.1. Dân số: Quy mô dân số từ 231.936 người lên 353.171 người, từ lớn thứ 10 vươn lên lớn thứ 4 toàn Hà Nội. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%/năm, tăng dân số cơ học trên 4%/năm. Mật độ dân số tăng từ 4.880 người/km² lên 7.787 người/km². Tỷ trọng nữ giảm từ 52,39% xuống 51,48%. Tỷ trọng người trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) giảm từ 75,23% xuống 65,10%. Học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật tăng. Số lượng người dân tộc thiểu số và người nước ngoài tăng. Tuổi kết hôn lần đầu và tỷ trọng ly hôn tăng. Số lượng hộ gia đình tăng 6,65%/năm. Số người trung bình trong một hộ giảm từ 3,83 người xuống 3,77 người. Loại hộ 2-4 người tuy giảm nhưng vẫn chiếm hơn 65% tổng số hộ.

3.3.2. Lực lượng lao động xã hội: Lực lượng lao động tăng từ 168.486 người lên 259.108 người. Tỷ trọng nam giới tăng từ 48,65% lên 49,03%. Tỷ trọng được đào tạo nghề tăng từ 32,39% lên 61,50%. Lao động có trình độ từ đại học trở lên tăng 3,3 lần. Tỷ trọng thất nghiệp chiếm 3,80%, cao thứ 2 Hà Nội (quận Thanh Xuân 3,90%). Tỷ trọng lao động công nghiệp – xây dựng tăng, thương mại – dịch vụ và nông nghiệp giảm; lao động làm việc gia đình giảm, làm công hưởng lương tăng; làm việc cho thành phần nhà nước, tập thể, cá thể giảm; làm việc cho tư nhân và hôn hợp tăng; lao động vùng 1 và 3 giảm, nhưng vùng 2 tăng.

3.3.3. Thu nhập, mức sống, nhà ở, người nghèo: Thu nhập bình quân của một người trong một năm ở Hà Đông (2009-2018) tăng từ 43,7 triệu đồng (2.300 USD) lên 75,4 triệu đồng (3.312 USD), tăng 72,54%, nhưng không đồng đều giữa các ngành nghề, bộ phận. *Mức sống* được cải thiện, chi tiêu cho ăn uống chiếm đa số nhưng giảm dần, nhiều lĩnh vực chi tiêu khác tăng lên. Nhiều tiện nghi hiện đại được sử dụng. Chi tiêu không đều giữa các vùng, các nhóm xã hội. *Nhà ở*, tỷ trọng hộ ở nhà chung cư tăng từ 5,72% lên 29,1%, cao thứ 5 thành phố Hà Nội. Diện tích nhà ở bình quân đầu người (2009-2019) tăng từ 26m² lên 28,5m². Tỷ lệ hộ nghèo giảm. Dựa vào thu nhập, mức sống, nhà ở..., ta thấy Hà Đông có 3 tầng lớp xã hội là giàu, trung lưu và nghèo, trong đó trung lưu chiếm đa số.

3.3.4. Giáo dục, y tế, trật tự xã hội, môi trường: *Giáo dục* tăng số lượng học sinh, giáo viên và cơ sở giáo dục hơn 2 lần, mạnh nhất là cấp mầm non và tiểu học. Mặc dù đã tăng trường học, phòng học và giáo viên, nhưng sĩ số học sinh trong mỗi lớp học vẫn tăng cao, nhất là cấp tiểu học, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Số lượng cơ sở *y tế* dân lập tăng từ 26 cơ sở lên 38 cơ sở. Bệnh cạnh những tiến bộ, do môi trường sống, lối sống thay đổi làm bệnh tật gia tăng. Tai nạn giao thông, tội phạm, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường ngày càng nhiều.

Tiểu kết chương 3: Trở thành quận, Hà Đông đẩy mạnh đô thị hóa, biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội mạnh mẽ hơn những năm trước. Kinh tế tăng trưởng cao. Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng thương mại - dịch vụ, nông nghiệp. Hầu hết các cơ sở kinh tế nhà nước chuyển sang cổ phần hóa. Thành phần hỗn hợp duy trì giá trị sản lượng kinh tế ở vị thế lớn nhất nhưng tỷ trọng giảm dần. Tỷ trọng kinh tế vùng 2 xấp xỉ vùng 1 và vùng 3 cộng lại. Dân số tăng nhanh. Số lượng hộ gia đình tăng, nhưng số người trong một hộ giảm. Số lượng và chất lượng lao động tăng. Nhiều lao động từ khu vực nhà nước sang các khu vực khác. Phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn. Mặc dù có nhiều tiến bộ về nhà ở, văn hóa, giáo dục, y tế, nhưng trật tự xã hội, môi trường vẫn còn nhiều hạn chế.

Chương 4. MỘT VÀI NHẬN XÉT

4.1. Đặc điểm biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018)

4.1.1. Vận hành trong biến chuyển chung của cả nước: Từ khi đổi mới, kinh tế Hà Đông cùng cả nước chuyển sang cơ chế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Hà Đông tái đô thị hóa và đô thị hóa mở rộng. Dân số, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn, xuất hiện tầng lớp mới, tội phạm và tệ nạn xã hội mới, ô nhiễm môi trường...

4.1.2. Từ thị xã tỉnh lỵ trở thành quận nội thành Thủ đô: Trở thành quận là mốc quan trọng, chia quá trình biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) thành hai giai đoạn: 1986-2008 và 2009-2018. Giữa hai giai đoạn có những điểm giống và khác nhau.

4.2. Sự tác động giữa biến đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội

4.2.1. Sự tác động của biến đổi cơ cấu kinh tế tới biến đổi cơ cấu xã hội: Công nghiệp hóa và đô thị hóa làm thay đổi dân số. Kinh tế thị trường nhiều thành phần phân bố lại lực lượng lao động xã hội, phân hóa giai cấp xã hội. Đời sống người dân được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần. Kinh tế thị trường làm gia tăng mất trật tự xã hội, ô nhiễm môi trường.

4.2.2. Sự tác động của biến đổi cơ cấu xã hội tới biến đổi cơ cấu kinh tế: Dân số tăng tạo thêm lao động và sức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tăng giá nhà đất. Tăng số lượng học sinh góp phần tăng đầu tư cho giáo dục. Lối sống đô thị hóa thúc đẩy kinh tế dịch vụ phát triển.

4.3. Nguyên nhân biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội

4.3.1. Nguyên nhân khách quan: Đường lối đổi mới của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự lãnh đạo và đầu tư của tỉnh Hà Sơn Bình (1986-1991), tỉnh Hà Tây (1991-2008) và thành phố Hà Nội (2009-2018)

4.3.2. Nguyên nhân chủ quan: Vị trí địa - chính trị thuận lợi. Mở rộng địa giới hành chính. Sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền Hà Đông, phấn đấu của nhân dân Hà Đông.

4.4. Thành tựu, hạn chế và một số kinh nghiệm

4.4.1. Thành tựu: Hà Đông ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa. Quy mô dân số tăng gần 5 lần, đạt "cơ cấu dân số vàng" và chất lượng nguồn lao động tăng lên. Lao động chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; từ thành phần nhà nước và tập thể sang tư nhân, cá thể và hỗn hợp. Thu nhập của người lao động tăng lên, mức sống được cải thiện, một bộ phận nhỏ được nâng cao. Giáo dục và y tế tiến bộ đáng kể. Lối sống đô thị hiện đại.

4.4.2. Hạn chế: Kinh tế dựa vào thu đầu giá quyền sử dụng đất sẽ không bền vững. Tình trạng dự án treo. Thiếu cơ sở sản xuất kinh doanh lớn để giải quyết việc làm, nhất là lao động nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất. Phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn. Quy mô dân số tăng nhanh gây khó khăn về nhà ở, giao thông, điện nước, giáo dục, y tế, mất trật tự xã hội, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh. Số vụ ly hôn ngày càng nhiều và có xu hướng trẻ hóa. Một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật, pháp luật.

4.4.3. Một số kinh nghiệm: Xem xét quá trình biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) là tìm hiểu chuyển đổi của 5 lĩnh vực kinh tế, hành chính, dân số, không gian và phúc lợi. Trong giai đoạn đầu, lấy tăng trưởng nông nghiệp làm sơ sở. Cần cải cách quy hoạch đô thị. Sớm có giải pháp khai thác giao thông công cộng hiệu quả hơn. Triển khai những dự án đúng tiến độ, tránh "lợi ích nhóm". Có chính sách phù hợp để thị trường đất đai lành mạnh. Phát triển dựa chủ yếu vào thu từ đầu giá quyền sử dụng đất sẽ không bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Giáo dục ý thức pháp luật, tạo môi trường lành mạnh cho nhân dân, nhất là thanh thiếu niên.

Tiểu kết chương 4: Biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) nằm trong biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội chung của cả nước thời kỳ đổi mới, là sự vận động từ thị xã tỉnh lỵ thành quận nội thành Thủ đô. Những năm đầu đổi mới là bản lề đưa kinh tế - xã hội Hà Đông phát triển đúng quy luật và hội nhập với nội thành Thủ đô. Biến chuyển cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội tác động lẫn nhau, bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan và khách quan, tạo ra những thành tựu và cả hạn chế, để lại một số kinh nghiệm.

KẾT LUẬN

Biến đổi cơ cấu cấu kinh tế - xã hội quận Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2018 gắn với quá trình điều chỉnh hành chính, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái đô thị hóa và đô thị hóa mở rộng, nhưng phát triển chưa bền vững.

1. Gắn với quá trình điều chỉnh hành chính

Từ khi Hà Đông thành tỉnh lỵ (1896), người Pháp đã xây dựng ở đây công sở, cơ sở hạ tầng giao thông, điện lực, điện tín, nước máy, trường học, bệnh viện... Năm 1910, tuyến tàu điện Bờ Hồ - Hà Đông dài 11km được đưa vào hoạt động tạo thêm điều kiện cho vùng Hà Đông phát triển, “văn minh hóa”. Từ quy mô ban đầu 0,5km² đất đai với khoảng 1.000 dân, Hà Đông đã biến chuyển theo hướng mô hình thu nhỏ và đơn giản hơn kiểu Hà Nội, mà Hà Nội lúc đó đang xây dựng đô thị theo kiểu phương Tây.

Trong mấy thập kỷ, qua các cuộc khai thác thuộc địa, trong 2 cuộc chiến tranh thế giới, dù chính sự biến đổi như thế nào, nhưng mối liên đới nhiều mặt giữa vùng Hà Đông với Hà Nội vẫn tồn tại và phát triển. Bởi Hà Đông vốn từng nằm trong tỉnh Hà Nội xưa nên có sự tương đồng ở mức độ nào đó với vùng nội vi Hà Nội. Trong mấy chục năm liên tiếp, Hà Nội được mở rộng từng bước - dù có chậm - qua các làng Triều Khúc, Nhân Chính, Phùng Khoang... về phía Hà Đông; đồng thời tỉnh lỵ Hà Đông cũng được mở rộng ra 4 phía xung quanh. Dù mở rộng về phía nào, đến trước Cách mạng tháng Tám (1945) hướng dịch chuyển và phát triển của tỉnh lỵ Hà Đông vẫn hướng về phía Hà Nội như một định hướng xây dựng kinh tế - xã hội của địa phương.

Sau hòa bình lập lại (1954), thủ đô Hà Nội được qui hoạch mở rộng ra phía ngoại ô. Vùng Ngã Tư Sở - Thanh Xuân được xây dựng nhiều cơ sở mới, gồm một số trường học, khu công nghiệp giống như sự nối dài quá trình đô thị hóa của Hà Nội đến vùng Hà Đông. Về phía Hà Đông, tình trạng này đưa thị xã Hà Đông như trở thành một thành phố vệ tinh của Hà Nội.

Ngày 21-4-1965, Quốc hội hợp nhất tỉnh Hà Đông và tỉnh Sơn Tây thành tỉnh Hà Tây, lấy thị xã Hà Đông làm tỉnh lỵ. Tỉnh Hà Tây có diện tích 2.169km² với 2 thị xã Sơn Tây và Hà Đông, cùng 12 huyện. Từ đây, Hà Đông thu nhận nhiều cán

bộ, nhân viên cùng gia đình của họ ở các địa phương khác về công tác hoặc di trú, trong đó, đối tượng từ thị xã Sơn Tây chiếm tỷ lệ nhiều nhất.

Trong điều kiện mới, sự hợp nhất hai tỉnh càng tạo thuận lợi cho thị xã Hà Đông phát huy tốt hơn vị thế của mình với các quận trong nội đô Hà Nội. Từ đó đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kinh tế và xã hội Hà Đông ít biến đổi và nói chung diện mạo của nó giống như các thị xã khác ở miền Bắc lúc bấy giờ. Suốt thời gian này, Hà Đông đồng hành cùng Hà Nội trong hệ thống hành chính không biến đổi và khi hệ thống hành chính ở đây chưa thay đổi thì kinh tế - xã hội của nó về cơ bản cũng không biến đổi.

Trong thời gian này, vùng Gia Lâm và Hà Đông có một số điểm tương đồng về kinh tế - xã hội. Nhưng Gia Lâm thuộc ngoại thành Hà Nội, trong khi Hà Đông thuộc tỉnh Hà Tây. Tuy nhiên, diện mạo Hà Đông gần Hà Nội hơn Gia Lâm vì có trục đường giao thông thuận tiện, nhất là tuyến xe điện Bờ Hồ - Hà Đông nên Hà Đông không có khoảng cách bị ngăn cách với Thủ đô như khoảng cách giữa Gia Lâm đến Hà Nội phải vượt cầu Long Biên trên sông Hồng.

Sau ngày thống nhất nước nhà (1975), đơn vị hành chính toàn quốc có nhiều biến chuyển, nhất là việc sáp nhập tỉnh, huyện, xã. Ngày 27-12-1975, Quốc hội sáp nhập tỉnh Hà Tây với tỉnh Hòa Bình thành tỉnh Hà Sơn Bình, lấy thị xã Hà Đông làm tỉnh lỵ. Ngày 21-12-1978, Quốc hội sáp nhập huyện Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Đan Phượng, Hoài Đức và thị xã Sơn Tây của tỉnh Hà Sơn Bình vào thành phố Hà Nội. Tuy diện tích tỉnh Hà Sơn Bình bị thu hẹp nhưng vẫn còn rất lớn (diện tích 5.978km² và dân số 1.569.000 năm 1981). Tầm vóc của thị xã Hà Đông tăng tỷ lệ thuận với qui mô diện tích và dân số của tỉnh Hà Sơn Bình.

Thị xã Hà Đông từ chỗ là thủ phủ của một tỉnh đồng bằng (Hà Đông), thành thủ phủ của tỉnh vừa có đồng bằng vừa có gò đồi (Hà Tây), rồi tỉnh có cả đồng bằng, gò đồi và rừng núi (Hà Sơn Bình). Trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Hà Sơn Bình rộng lớn chưa từng có, một lần nữa thị xã Hà Đông lại thu hút nhiều cán bộ, công nhân viên chức, thậm chí cả một số người dân tộc thiểu số từ tỉnh Hòa Bình về công tác và cư trú. Từ vị thế của nó, *tầm bao quát* của thị xã Hà Đông lớn hơn trước. Thực trạng này làm chùng lại sự phát triển từng có của các thị xã Sơn Tây, Hòa Bình trước đây.

Sáp nhập các địa phương thành các đơn vị hành chính lớn hơn trong những năm thập kỉ 1970, 1980 không đưa sản xuất phát triển như dự tính nên đến thập kỉ 1990, nhiều tỉnh lớn được Quốc hội chia tách, tái lập lại đơn vị cũ. Trong bối cảnh đó, ngày 12-8-1991, Quốc hội chia tách tỉnh Hà Sơn Bình để tái lập tỉnh Hà Tây và tỉnh Hòa Bình; đồng thời chuyển huyện Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Đan Phượng, Hoài Đức và thị xã Sơn Tây từ thành phố Hà Nội về tỉnh Hà Tây. Hà Đông một lần nữa trở thành thủ phủ của tỉnh Hà Tây. Dù địa hành chính của Hà Đông không đổi nhưng hầu hết cán bộ là người thuộc tỉnh Hòa Bình đã dời khỏi thị xã Hà Đông chuyển ngược về vùng rừng núi Hòa Bình.

Từ năm 1991 đến năm 2008, địa hành chính Hà Tây cơ bản ổn định. Nhưng riêng thị xã Hà Đông có thay đổi theo hướng sáp nhập một số xã ngoại biên (2003-2006) làm tăng diện tích đất tự nhiên của Hà Đông lên gần 3 lần, đồng thời tăng dân số gần 2 lần.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương của Hà Tây cũng như trong khu vực, đặc biệt vai trò của nó đối với Hà Nội, ngày 27-12-2006, Chính phủ đã nâng cấp thị xã Hà Đông lên thành phố Hà Đông, trực thuộc tỉnh Hà Tây.

Trong quá trình đổi mới (1986-2008), so với các đơn vị bạn trong vùng Đồng bằng Bắc Bộ, kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tây biến đổi nhanh. Lợi thế vùng kề cận Thủ đô đang vận động trên đà đổi mới đã giúp tỉnh Hà Tây phát triển nhanh về mọi mặt. Trong đà phát triển chung của tỉnh Hà Tây thời gian này, tỉnh lỵ Hà Đông đóng vai trò đầu tàu của sự biến chuyển đó.

Nhờ tác động lan tỏa của Hà Nội, Hà Đông có điều kiện phát triển mới và có điều kiện phát huy khi tỉnh Hà Tây được sáp nhập vào Thủ đô. Ngày 29-5-2008, Quốc hội sáp nhập tỉnh Hà Tây và một số địa phương khác vào thủ đô Hà Nội. Trong hoàn cảnh đó, ngày 8-5-2009, Chính phủ chuyển đổi thành phố Hà Đông thành quận Hà Đông thuộc nội thành Thủ đô.

Nhìn khái quát, trong khoảng nửa thế kỉ kể từ ngày giải phóng miền Bắc đến khi Hà Đông trở thành 1 quận của Thủ đô (1954-2009), địa hành chính Hà Tây luôn biến đổi, sáp nhập rồi tái lập. Sự thay đổi này diễn ra nhiều hơn so với các tỉnh thành khác trên cả nước. Đây là kết quả tính toán của Nhà nước liên quan đến xây dựng vùng Thủ đô - trung tâm của cả nước - như thế nào cho phù hợp, và trong mọi

lần thay đổi chính sách quản lí Hà Nội đều liên quan đến Hà Tây nói chung và Hà Đông nói riêng. Trong mấy chục năm đó, Hà Tây là địa bàn hành chính động, trong đó Hà Đông gần như trở thành *biểu tượng của kết quả* thay đổi lớn hơn từ thủ đô Hà Nội. Đồng thời, bằng vị thế của mình, Hà Đông trở thành *Hà Đông phương* đối với thủ đô Hà Nội.

Có thể nói, trong mấy chục năm kể trên, Hà Đông vừa là thủ phủ của tỉnh Hà Đông, Hà Tây, Hà Sơn Bình, vừa là một vệ tinh của thủ đô Hà Nội. Ý nghĩa vệ tinh này sâu đậm như thế nào một phần phụ thuộc vào sự tự vận động của Hà Đông, nhưng mặt khác còn tùy thuộc vào chính sách xây dựng Thủ đô của Nhà nước. Chính lí do khách quan này là yếu tố quyết định xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Hà Đông.

Tồn tại trong mối tương tác đó, từ năm 1986 đến năm 2008, kinh tế - xã hội Hà Đông phát triển ở điểm giữa của sự phát triển chậm trong vùng nông thôn Hà Tây và mức phát triển nhanh của thủ đô Hà Nội. Nói chung đây là thời kỳ chuyển đổi về lượng của sự tồn tại, phát triển của kinh tế - xã hội Hà Đông. Sự thay đổi kinh tế - xã hội của Hà Đông thời gian này mang tính cơ học, tuần tự từng bước, với nhịp điệu bình thường. Sự thay đổi ít nhiều của Hà Đông, dù là chậm, trước khi thành một quận của Hà Nội, cũng tạo tiền đề cho sự biến chuyển kinh tế - xã hội Hà Đông sau này.

Từ năm 2009 đến năm 2018 là thập kỉ phát triển nhanh của kinh tế - xã hội Hà Đông. Đây là quá trình biến đổi về định tính của kinh tế - xã hội Hà Đông. Dù mức độ phát triển chưa theo kịp nhiều quận nội thành nhưng kinh tế - xã hội Hà Đông đã bứt lên, phát triển vượt nhanh hơn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Hà Tây cũ.

Sự gắn kết lịch sử Hà Đông với toàn bộ vùng Sơn Tây, Hà Tây cũ trong hành trình xây dựng đất nước nói chung và vùng châu thổ sông Hồng nói riêng, như nêu trên, luôn thay đổi địa giới (hoặc vị thế) đã đưa kinh tế - xã hội Hà Đông vận động theo xu hướng phát triển của đất nước, của vùng châu thổ sông Hồng và đặc biệt của Hà Nội. Đó là sự vận động vừa phát huy được sức mạnh của vùng, của Thủ đô, vừa bảo lưu các thành tố kinh tế - xã hội vốn có của Hà Đông.

2. Gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa

Năm 1960, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong đường lối xây dựng nền kinh tế mới, vị thế ngành công nghiệp vô cùng quan trọng. Trong xây dựng công nghiệp, nhóm công nghiệp nặng được ưu tiên. Chủ trương xây dựng kinh tế như thế nào còn được tiếp tục thực hiện sau thống nhất đất nước (1975).

Nền kinh tế và xã hội Hà Đông vận động trong xu thế xây dựng đất nước theo hướng ưu tiên công nghiệp nặng. Khu công nghiệp Cao - Xà - Lá (Nhà máy Cao su Sao Vàng, Nhà máy Xà phòng Hà Nội, Nhà máy Thuốc lá Thăng Long) và các Nhà máy Bông đèn phích nước Rạng Đông, Nhà máy Giày Thượng Đình, Nhà máy Cơ khí chính xác Hà Nội... thuộc quận Đống Đa, nằm trên trục đường Nguyễn Trãi vào Hà Đông nhưng không có tác động gì đến công nghiệp Hà Đông.

Tuy nhiên, nhìn trong phạm vi cả nước, công nghiệp hóa trong thời kỳ trước đổi mới hầu như không thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển như mong muốn. Cho nên, cũng giống như nhiều nơi khác, kinh tế Hà Đông vẫn chưa đạt đến công nghiệp hóa. Các xã ngoại thị vẫn nặng về thuần nông.

Trong khoảng 10 năm (1986-1995), Hà Đông cùng toàn thể tỉnh Hà Sơn Bình (1986-1991) và tỉnh Hà Tây (1991-1995) từng bước đổi mới, khắc phục khó khăn và dần vượt qua khủng hoảng. Từ năm 1996 trở đi, Hà Đông cùng các địa phương khác công nghiệp hóa theo hướng mới, chú trọng nhóm công nghiệp nhẹ, như chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp dân sinh. Phương hướng xây dựng công nghiệp mới tạo nên diện mạo mới cho kinh tế - xã hội Hà Đông, dù mức độ vẫn còn chậm.

Từ năm 2009, Hà Đông trở thành quận của Hà Nội. Vào thời gian này, Hà Nội đang xây dựng phát triển về phía Hà Tây, qua vùng Hà Đông và Láng - Hòa Lạc. Với chính sách đầu tư mới, thu hút vốn trong và ngoài nước, nhiều dự án được khởi công. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian này gắn liền với đô thị hóa. Hà Đông trở thành quận của Thủ đô với diện tích lớn thứ hai trong các quận nội thành (sau quận Long Biên) nên có lợi thế lớn. Nếu như trong thời gian này, Việt Nam đã hội nhập với quốc tế khá sâu rộng thì Hà Đông cũng hội nhập, hòa đồng với thủ đô Hà Nội.

Số lượng khu đô thị mới của Hà Đông từ 6 khu (2001-2008) tăng lên 22 khu (2009-2018), phân bố ở 12 trong tổng số 17 phường (đô thị hóa theo chiều rộng). Ba phường trung tâm không có quỹ đất để lập khu đô thị mới nhưng có một số "vị trí vàng" để xây chung cư cao tầng (tái đô thị hóa theo chiều cao). Sự kết hợp đô thị hóa theo chiều rộng và chiều cao làm cho bộ mặt đô thị Hà Đông ngày càng hiện đại, văn minh. Trong khi đó, công nghiệp tập trung ở phường Yên Nghĩa, phường Biên Giang và một số làng nghề truyền thống (Vạn Phúc, Đa Sỹ, Thượng Mạo, La Cầ).

Trong thời gian qua, diện mạo Hà Đông thay đổi từng ngày và sự thay đổi đó có nguồn gốc cơ bản từ đầu tư xây dựng cơ bản, với hai nội dung xây dựng chính là các chung cư, nhà ở cao cấp và các trung tâm thương mại - dịch vụ. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Đông đang chuyển sang quá trình số hóa. Khác với nhiều địa phương của Hà Nội có tốc độ công nghiệp hóa cao, Hà Đông công nghiệp hóa gắn liền với đô thị hóa. Tốc độ xây dựng ở Hà Đông cao hơn nhiều so với chỉ số trung bình của toàn thành phố Hà Nội. Tỷ trọng đất ở đô thị của Hà Đông (2008-2018) tăng từ 9,57% lên 28,55%, cao thứ hai toàn thành phố Hà Nội, chỉ sau quận Hoàng Mai (30,11%). Vì thế, diện mạo đô thị Hà Đông không khác nhiều so với các quận khác của Hà Nội.

3. Tái đô thị hóa và đô thị hóa mở rộng

Lịch sử xây dựng kinh tế - xã hội của Hà Đông trong mấy chục năm qua (1986-2018) gắn liền với sự mở rộng của khu vực trung tâm thị xã Hà Đông động. Trong buổi đầu đổi mới, khu vực này khá khiêm nhường, bao gồm các dãy phố nằm xung quanh, cách trung tâm Bưu điện Hà Đông và trụ sở Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây khoảng 1 km.

Cùng với phát triển của cả tỉnh, cả khu trong quá trình đổi mới, thị xã Hà Đông liên tục được mở rộng và cuối cùng tầm phát triển nhất của nó là Hà Đông trở thành một quận của thủ đô Hà Nội.

Quá trình trên gắn với sự mở rộng đô thị trung tâm, ảnh hưởng lan tỏa ra các xã ngoại vi. Mặt khác, chính bản thân vùng nội thị trung tâm cũng được hiện đại hóa. Hiện đại hóa ở vùng lõi này gắn với chỉnh trang đô thị, với cơ sở hạ tầng hiện đại và số hóa hoạt động, dịch vụ.

Hà Đông có 3 vùng địa hành chính, vùng trung tâm (vùng 1), vùng sát ngoại vi trung tâm (vùng 2) và phần còn lại gồm các làng (vùng 3). Trong quá trình chuyển đổi kinh tế - xã hội, vùng sát ngoại vi từng bước chuyển sang diện mạo của vùng trung tâm trước khi Hà Đông nhập vào Hà Nội, và vùng các làng nông nghiệp đã chuyển dần từ làng lên phố, chuyển sang nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Vì thế, chuyển dịch kinh tế - xã hội ở Hà Đông diễn ra khá phong phú, đa dạng.

Sự chuyển dịch kinh tế - xã hội của 3 vùng trên diễn ra theo chiều từ thấp lên cao theo hướng tiệm cận. Đã có 42 làng lên phố ở Hà Đông không giống như một số làng lên phố của vùng châu thổ sông Hồng trong thời kỳ đổi mới. Trên thực tế, các làng nông nghiệp ở Hà Đông có điều kiện kinh tế - xã hội không khác nhiều so với các phường nằm ngoại vi trung tâm thành phố. Cùng giống như vậy, khoảng cách kinh tế - xã hội ở các phường phía ngoài không có khác biệt nhiều so với kinh tế - xã hội vùng lõi. Sự khác biệt ở đây chủ yếu thể hiện ở vai trò hành chính trung tâm của thành phố/quận Hà Đông.

Cùng giống như vậy, nhưng ở qui mô lớn hơn, quá trình phát triển của nó đưa thành phố Hà Đông trở thành quận Hà Đông diễn ra như một sự tiệm cận, cận tiến. Thành phố Hà Đông trước khi được sáp nhập vào Hà Nội có diện tích, diện mạo không khác mấy so với các quận của nội thành Hà Nội như quận Đống Đa, Cầu Giấy, Thanh Xuân...

4. Phát triển chưa bền vững

Biến chuyển kinh tế - xã hội ở Hà Đông gắn với tiến trình đổi mới của tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội và của cả nước. Về kinh tế, tiến trình này gắn với quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế. Về xã hội, nó gắn liền với đô thị hóa cư dân Hà Đông.

Cùng giống như hiện tượng khá phổ biến trên phạm vi cả nước là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa thường gắn với các dự án xây dựng kinh tế - xã hội. Dự án xây dựng đến đâu, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đến đó. Hiện tượng này được gọi là đô thị hóa, công nghiệp hóa dự án.

Dự án của các doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân, trong hay ngoài nước, đều lựa chọn những "khu đất vàng" để đầu tư. Quá trình thầu khoán qua mở thầu hay

không, đều tìm lợi thế để khai thác, thu hồi vốn nhanh, đạt lợi nhuận cao nhất. Quỹ đất ở Hà Đông còn nhiều hơn các quận khác nên hấp dẫn các doanh nghiệp về đầu tư. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu vào xây dựng các khu đô thị mới, nhà chung cư, trung tâm thương mại và dịch vụ. Tỷ trọng vốn đầu tư cho những lĩnh vực này lớn hơn cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Thêm vào đó, nhiều dự án thường bỏ qua vùng đất không thuận lợi dẫn đến hiện tượng đầu tư "xôi đỗ" làm kinh tế Hà Đông có hiện tượng bị lệch. Mặc dù còn những hạn chế, nhưng nhờ đầu tư đô thị hóa mạnh mẽ những năm qua nên bộ mặt Hà Đông ngày càng văn minh hiện đại, khác hẳn các huyện thuộc tỉnh Hà Tây cũ, thoát khỏi đô thị loại 3, và không thua kém gì các quận nội thành Thủ đô.

Bên cạnh đó, trong nhiều năm qua, việc đấu giá quyền sử dụng đất tạo ra nguồn thu rất lớn cho ngân sách Hà Đông, giúp Hà Đông chấm dứt bội chi ngân sách từ năm 2006. Trên cơ sở đó, Hà Đông tăng thêm nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quỹ đất bị thu hẹp sẽ làm giảm nguồn thu. Hay nói cách khác, phát triển dựa chủ yếu vào thu đấu giá quyền sử dụng đất sẽ không bền vững. Hà Đông cần nhanh chóng khai thác lợi thế bền vững hơn là kinh tế công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Bên cạnh đó, Hà Đông còn những hạn chế về xã hội, như tăng dân số cơ học cao gây áp lực cho quản lý hành chính, giáo dục, y tế, giao thông; phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn; gia tăng khiếu kiện về đất đai, tội phạm và tệ nạn xã hội; ô nhiễm môi trường, dịch bệnh. Những hạn chế của Hà Đông cũng là hạn chế chung ở các đô thị trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Trong 32 năm qua (1986-2018), mọi mặt lịch sử Hà Đông gắn liền với công cuộc đổi mới của cả nước. Nhìn đại thể, có 3 thế hệ đã sinh sống trong những năm tháng này: Một là thế hệ những người trung niên - chủ lực xã hội - khi đất nước bắt đầu đổi mới, họ đã trải qua 32 năm xây dựng gia đình, quê hương; thế hệ thứ hai là những người sinh ra từ khi bắt đầu đổi mới, họ trở thành tác nhân chủ công của biến chuyển kinh tế gia đình và của toàn xã hội; và thế hệ thứ ba - những trẻ em sinh ra vào cuối thập niên 2010, thế hệ đang hưởng thụ trong môi trường đổi mới toàn diện, hội nhập Thủ đô và hội nhập quốc tế.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Hữu Sơn (2018), "Tăng trưởng dân số quận Hà Đông (2000-2015)", Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* (ISSN 2354-1172), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 4 (2b) tr. 203-220.

2. Nguyễn Hữu Sơn (2019), "Quá trình thay đổi địa giới hành chính quận Hà Đông (1896-2009): diễn biến, đặc điểm", Tạp chí *Khoa học* (ISSN 1859-2325), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (61), tr. 86-97.

3. Nguyễn Hữu Sơn (2020), "Chuyển biến kinh tế nông nghiệp ở thị xã Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2008", Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* (ISSN 2354-1172), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Tập 6 (1b), tr. 133-144.

4. Nguyen Huu Son (2022), "Characteristics of transformation of the Ha Dong town's agricultural structure (1986-2008)", *The first international conference on the issues of social sciences and humanities*, Hanoi, 28-10-2022, Vietnam National University, Hanoi, University of Social Sciences and Humanities, ISBN 978-604-9990-98-4, pp. 620-635.

5. Nguyen Huu Son (2022), Transformation of Ha Dong's industrial sector (2009-2018), *The first international conference on the issues of social sciences and humanities*, Hanoi, 28-10-2022, Vietnam National University, Hanoi, University of Social Sciences and Humanities, ISBN 978-604-9990-98-4, pp. 636-655.